TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỐNG NHẤT** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 12/4/2024
V/v: *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT, ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Quang Phúc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Sóng Thành

Bà Nguyễn Thị Kim Loan

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Tuyết Hạnh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 173/2023/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2023, về việc: *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Đinh Thị Hồng V**, sinh năm: 1993. CCCD số 0751 930 230 69 cấp ngày 28-12-2021.

Nơi cư trú: Đội 1, ấp V, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Nơi ở hiện nay: 357/4 ấp D, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Đỗ Quốc T**, sinh năm: 1993.

Nơi cư trú: Đội 1, ấp V, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 27/12/2023, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Đinh Thị Hồng V trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Trên cơ sở tự nguyện, chị V và anh T quen biết nhau một thời gian, đi đến kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 63 ngày 10/4/2014.

Sau khi kết hôn, hai vợ chồng sống tại gia đình nhà anh T. Hai vợ chồng cũng hay cãi nhau. Năm 2016 sau khi sanh em bé thứ 2 thì hai vợ chồng xảy ra

nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T có nhiều mối quan hệ xã hội nên hay nhậu cùng bạn bè, ít quan tâm đến gia đình. Những lúc say anh T hay la mắng, xúc phạm đến chị V và cả gia đình bên ngoại. Anh T1 cũng hay nóng tính nên hai vợ chồng có xảy ra xô sát, có lần chị V bị đánh gãy tay, u đầu nhưng chị V không báo chính quyền địa phương. Do không thể sống chịu đựng được anh T1 nên chị V đã về nhà mẹ ruột sinh sống tại xã G. Nay không còn tình cảm và không thể hòa giải đoàn tụ được nên chị V yêu cầu được ly hôn với anh T1.

- Về con chung: Vợ chồng chung sống có 02 con chung:

+ Cháu Nguyễn Hoàng Thiên Â, sinh ngày: 05/10/2014.

+ Cháu Nguyễn Hoàng T2, sinh ngày: 16/4/2016. Hiện nay hai cháu T2 và Â đang được chị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng bên nhà N.

Khi ly hôn chị V yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai cháu Â và T2. Chị V không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Tại biên bản lấy lời khai ngày 15/3/2024 và trong quá trình tố tụng bị đơn anh Nguyễn Đỗ Quốc T trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Anh T1 và chị V quen nhau rồi đi đến kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 63 ngày 10/4/2014.

Trong quá trình chung sống, thời gian đầu sống hạnh phúc, khoảng 05 năm trở lại đây hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T1 nghi ngờ chị V sống không chung thủy, không lo cho chồng con, hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên dẫn đến cãi nhau. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2022 đến nay. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn nên anh T1 đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị V nhưng anh T1 không đến tòa tham gia hòa giải.

- Về con chung: Vợ chồng chung sống có 02 con chung:

+ Cháu Nguyễn Hoàng Thiên Â, sinh ngày: 05/10/2014.

+ Cháu Nguyễn Hoàng T2, sinh ngày: 16/4/2016.

Anh T1 đồng ý giao hai cháu Â và T2 cho chị V chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Anh T1 không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận công việc nên anh T1 đề nghị Tòa án cho anh T1 được vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc, hòa giải và xét xử của Tòa án.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai phát biểu quan điểm:***

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án được thực hiện đúng với quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị V và bị đơn anh T1 đều có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị Hồng V được ly hôn với anh Nguyễn Đỗ Quốc T.

+ Về con chung: Giao con chung cho chị V nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Tạm thời anh T không cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Buộc chị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; anh Nguyễn Đỗ Quốc T cư trú tại: Đ, ấp V, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất.

[1.2] Quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn yêu cầu ly hôn và tranh chấp về người trực tiếp nuôi con chung, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"*.

[1.3] Về tư cách đương sự: Căn cứ vào khoản 2, khoản 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để xác định chị Đinh Thị Hồng V là nguyên đơn, anh Nguyễn Đỗ Quốc T là bị đơn.

[1.4] Về việc xét xử vắng mặt các đương sự:

- Nguyên đơn chị V, bị đơn anh T có đơn yêu cầu xét xử vắng. Do vậy, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt các đương sự trong vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị Hồng V và anh Nguyễn Đỗ Quốc T đi đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 63 ngày 10/4/2014. Căn cứ các Điều 9, 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, quan hệ hôn nhân của chị V và anh T là hôn nhân hợp pháp.

Xét tình trạng hôn nhân giữa chị V và anh T, Hội đồng xét xử nhận định:

Chị V và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, trong thời gian sống chung anh, chị thừa nhận vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không tin tưởng nhau về tình cảm, có xảy ra xô sát, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, chị V và anh T đều có lời khai xác nhận hôn nhân của vợ chồng đã không còn hạnh phúc và không thể hòa giải, hàn gắn với nhau được.

Tại Tòa án, chị V cương quyết xin ly hôn với anh T và anh T đồng ý ly hôn nhưng anh không đến tòa tham gia hòa giải, xét xử.

Theo biên bản xác minh ngày 15/3/2024, ông Trần Nguyễn Thái D (Công an xã G) cho biết: *" ... chị V và anh T đang sống ly thân với nhau ..."*. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị V, cho chị V và anh T được ly hôn.

[2.2] Về con chung: Chị V và anh T thừa nhận vợ chồng chung sống có 02 con chung là:

+ Cháu Nguyễn Hoàng Thiên Â, sinh ngày: 05/10/2014.

+ Cháu Nguyễn Hoàng T2, sinh ngày: 16/4/2016. Hiện nay chi V đang trực tiếp nuôi dưỡng các con chung.

Xét yêu cầu về việc xin nuôi con chung của chị V là có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ hai con chung đang được chị V trực tiếp nuôi dưỡng, anh T đồng ý giao cháu Â và cháu T2 cho chị V nuôi dưỡng, đồng thời cháu Â và cháu T2 cũng có nguyện vọng muốn sống cùng với mẹ, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giao cháu Nguyễn Hoàng Thiên Â, sinh ngày: 05/10/2014 và cháu Nguyễn Hoàng T2, sinh ngày: 16/4/2016 cho chị V tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là có căn cứ.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị V chưa yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con nên hội đồng xét xử không giải quyết. Tạm thời anh T chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Đỗ Quốc T được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Đinh Thị Hồng V và anh Nguyễn Đỗ Quốc T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[2.4] Về án phí: Chị Đinh Thị Hồng V phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Xét đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238, Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 9, Điều 11 Luật Hôn nhân năm 2000;

- Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đinh Thị Hồng V.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* xử cho chị Đinh Thị Hồng V và anh Nguyễn Đỗ Quốc T được ly hôn.

2. *Về con chung:*

2.1 Giao cháu Nguyễn Hoàng Thiên Â, sinh ngày: 05/10/2014 và cháu Nguyễn Hoàng T2, sinh ngày: 16/4/2016 cho chị V được tiếp tục, trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Tạm thời anh Nguyễn Đỗ Quốc T chưa phải cấp dưỡng nuôi con do chị V chưa yêu cầu. Anh T1 được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

3. *Về tài sản chung, nợ chung:* Không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí:* Chị Đinh Thị Hồng V phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị V đã nộp theo biên lai thu số 0007575 ngày 27/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất. Chị V đã nộp đủ án phí.

5. *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

6. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *VKSND H.TN;*
- *Chi cục THADS H.TN;*
- *UBND xã Gia Kiệm (63/2014);*
- *Các đương sự;*
- *Lưu.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đặng Quang Phúc